

Bản án số: 49./2018/DS-ST

Ngày: 27/11/2018

*“Về việc tranh chấp hợp đồng
vay tài sản”*

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN XUYỀN MỘC,
TỈNH BÀ RỊA - VŨNG TÀU

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thúy

Các Hội thẩm nhân dân: - Bà Trịnh Thị Mai Hương
- Bà Nguyễn Thị Nga

- ***Thư ký phiên tòa:*** Ông Khuất Cao Hoàng – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Xuyên Mộc

- ***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Xuyên Mộc, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu tham gia phiên tòa:*** ông Vũ Đình Rư

Ngày 27 tháng 11 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Xuyên Mộc, xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự sơ thẩm thụ lý số: 58/2018/TLST-DS ngày 15 tháng 6 năm 2018 về việc: *“Tranh chấp hợp đồng vay tài sản”* theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 48/2018/QĐST-DS ngày 10 tháng 10 năm 2018 và quyết định hoãn phiên tòa số: 27/2018/QĐST-DS ngày 09/11/2018, giữa các đương sự:

* Nguyên đơn: Ông Nguyễn Hữu Đ, sinh năm 1955 (có mặt)

Địa chỉ: Ấp A, xã B, huyện C, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu.

* Bị đơn: Bà Đoàn Thị Q, sinh năm: 1968 (vắng mặt)

Địa chỉ: Ấp A, xã B, huyện C, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện đề ngày 22 tháng 5 năm 2018, bản khai, biên bản không tiến hành hòa giải được và tại phiên tòa hôm nay nguyên đơn ông Nguyễn Hữu Đ trình bày:

Do quen biết với nhau từ trước nên ông Nguyễn Hữu Đ đã cho bà Đoàn Thị Q vay tiền nhiều lần, cụ thể:

- Lần thứ nhất vào ngày 22/7/2017, ông Đ cho bà Q vay số tiền 3.000.000đ (ba triệu đồng)

- Lần thứ hai vào ngày 09/8/2017, ông Đ cho bà Q vay số tiền 3.000.000đ (ba triệu đồng)

- Lần thứ ba vào ngày 19/8/2017, ông Đ cho bà Q vay số tiền 1.500.000đ (Một triệu, năm trăm ngàn đồng)

Cả ba lần vay tiền đều không thế chấp tài sản, không thỏa thuận lãi suất và thời hạn trả nợ. Mỗi lần vay bà Q đều viết giấy tay vay tiền cho ông Đ, giấy tay là do bà Q viết và ký tên. Từ khi vay cho đến nay bà Q không trả cho ông Đ khoản tiền nào mặc dù ông Đ đã rất nhiều lần gặp bà Q để yêu cầu bà Q trả nợ nhưng bà Q không chịu trả mà cố tình tránh mặt ông Đ.

Nay tại Tòa, ông Đ xác nhận là bà Đoàn Thị Q còn nợ ông Đ số tiền 7.500.000đ (Bảy triệu năm trăm ngàn đồng). Ông Đ yêu cầu bà Q phải trả cho ông Đ số tiền 7.500.000đ nói trên. Ông Đ không yêu cầu tính lãi suất.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, Tòa án nhân dân huyện Xuyên Mộc nhận định:

[1]. *Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết:* Ông Nguyễn Hữu Đ khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết buộc bà Đoàn Thị Q trả số tiền 7.500.000đ (Bảy triệu năm trăm ngàn đồng) nên xác định đây là vụ án “*Tranh chấp hợp đồng vay tài sản*” theo quy định tại khoản 3 Điều 26 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Tại thời điểm Tòa án thụ lý vụ án, bà Đoàn Thị Q trú tại ấp A, xã B, huyện C, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu nên thuộc thẩm quyền giải quyết của tòa án nhân dân huyện Xuyên Mộc, tỉnh Bà Rịa –Vũng Tàu, theo quy định tại Điều 35 và Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2]. *Về thời hiệu khởi kiện:* lần cuối cùng bà Q vay tiền của ông Đ là ngày 19/8/2017, từ ngày 19/8/2017 cho đến nay, bà Q không trả tiền gốc cho ông Đ nên ngày 22/5/2018, ông Đ khởi kiện để yêu cầu bà Q trả nợ là còn trong thời hiệu theo quy định tại Điều 429 Bộ luật Dân sự năm 2015.

[3]. *Về sự vắng mặt của đương sự:* Bị đơn bà Đoàn Thị Q đã được Tòa án triệu tập hợp lệ để tham gia phiên tòa lần thứ nhất ngày 09/11/2018 và tại phiên tòa lần thứ hai ngày 27/11/2018, bà Q đều vắng mặt không có lý do. Căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt bà Q theo luật định.

[4]. *Về áp dụng luật:* các bên đương sự thực hiện việc vay mượn nhiều lần, bắt đầu từ năm 2017. Căn cứ vào điểm b, khoản 1 Điều 688 Bộ luật dân sự 2015 thì khi

giao dịch dân sự chưa được thực hiện hoặc đang được thực hiện mà có nội dung và hình thức phù hợp với quy định của Bộ luật dân sự 2015 thì áp dụng quy định của Bộ luật dân sự 2015 nên áp dụng Bộ luật dân sự năm 2015 để giải quyết.

[5]. *Xét yêu cầu của nguyên đơn về việc yêu cầu Tòa án buộc bị đơn trả nợ cho nguyên đơn:*

[5.1]. Căn cứ các giấy mượn tiền ngày 22/7/2017, ngày 09/8/2017 và ngày 19/8/2017 đều thể hiện việc bà Đoàn Thị Q có mượn tiền của ông Đ với tổng số tiền là 7.500.000đ (Bảy triệu năm trăm ngàn đồng) nên việc mượn tiền giữa các bên đương sự là có thật, vì vậy xác định bà Q có vay của Ông Đ số tiền 7.500.000đ (bảy triệu năm trăm ngàn đồng). Tính đến thời điểm hôm nay ông Đ xác nhận bà Q còn nợ ông Đ số tiền 7.500.000đ (Bảy triệu năm trăm ngàn đồng).

[5.2]. Nguyên đơn ông Nguyễn Hữu Đ cung cấp cho Tòa án chứng cứ mượn tiền là 03 (ba) giấy mượn tiền ngày 22/7/2017, ngày 09/8/2017 và ngày 19/8/2017, giấy viết tay do bà Q viết và ký tên. Giấy viết tay mượn tiền không ghi thời hạn trả nợ và lãi suất. tại phiên Tòa ông Đ cũng xác định ông Đ chỉ cho bà Q mượn tiền nên không tính lãi suất. Từ khi vay cho đến nay bà Q chưa trả nợ cho ông Đ mặc dù ông Đ đã rất nhiều lần gặp bà Q yêu cầu trả nợ nhưng bà Q không chịu trả.

Trong suốt quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tổng đạt hợp lệ Thông báo về việc thụ lý vụ án số 58/2018/TLST-DS ngày 15 tháng 6 năm 2018; các Thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải để bà Q đến Tòa án làm việc, nhưng bà Q đều vắng mặt không có lý do và không có bất cứ văn bản nào thể hiện ý kiến của mình, cũng như không xuất trình bất cứ chứng cứ nào chứng minh mình không vay tiền. Do đó bà Q đã tự từ bỏ quyền chứng minh của mình nên phải chịu hậu quả của việc không chứng minh được theo quy định tại Điều 91 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015. Nên hội đồng xét xử căn cứ các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án để giải quyết vụ án.

Từ những căn cứ trên xác định bà Q còn nợ ông Đ số tiền gốc là 7.500.000đ (bảy trăm năm mươi ngàn đồng).

Do bà Q không thanh toán tiền nợ cho ông Đ nên ông Đ khởi kiện yêu cầu Tòa án buộc bà Q trả số tiền 7.500.000đ (bảy trăm năm mươi ngàn đồng) là có căn cứ chấp nhận.

[6]. *Về lãi suất:* Ông Nguyễn Hữu Đ thừa nhận các hợp đồng vay tiền giữa hai bên không thỏa thuận lãi suất. Tại phiên tòa và tại các buổi làm việc trước đây ông Đ cũng không yêu cầu tính lãi suất.

Do đương sự không có yêu cầu tính lãi suất nên căn cứ Điều 5 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, Hội đồng xét xử không xem xét.

[7]. Căn cứ các Điều 471, Điều 474 của Bộ luật dân sự 2005 Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Hữu Đ. Buộc bà Đoàn Thị Q có nghĩa vụ trả cho ông Đ số tiền 7.500.000đ (bảy trăm năm mươi ngàn đồng).

[8]. *Về án phí*: do toàn bộ yêu cầu của nguyên đơn được chấp nhận nên buộc bị đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch theo quy định tại Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án; cụ thể là 300.000đ (Ba trăm ngàn đồng).

[9]. *Về quyền kháng cáo*: Các đương sự được quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ các Điều 471, Điều 474 của Bộ luật dân sự 2005;

Căn cứ Điều 5, khoản 3 Điều 26, Điều 35, Điều 39, Điều 91, Điều 147, điểm b khoản 2 Điều 227, Điều 228, Điều 235 và Điều 273, của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Nguyễn Hữu Đ đối với bị đơn bà Đoàn Thị Q.

2. Buộc bà Đoàn Thị Q có nghĩa vụ trả cho ông Nguyễn Hữu Đ số tiền nợ là 7.500.000đ (bảy trăm năm mươi ngàn đồng).

Kể từ ngày bản án, quyết định có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015.

3. Về án phí dân sự sơ thẩm:

- Bà Đoàn Thị Q phải chịu án phí sơ thẩm có giá ngạch là 300.000đ (Ba trăm ngàn đồng).

4. Về quyền kháng cáo: Đương sự có mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đối với đương sự vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày bản án được tổng đạt hợp lệ để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu xét xử lại vụ án theo thủ tục phúc thẩm.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nơi nhận:

- Tòa án nhân dân tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu;
- Viện kiểm sát nhân dân huyện Xuyên Mộc;
- Chi cục Thi hành án dân sự H.Xuyên Mộc;
- Đương sự;
- Lưu Hồ sơ, Văn thư.

Nguyễn Thị Thúy

CÁC HỘI THẨM NHÂN DÂN

THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Thị Thúy